

Số: /KH-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

KẾ HOẠCH
Cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2021

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện theo các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh theo Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 - 2025.

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính; gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và bình xét thi đua, khen thưởng; nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

- Tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính của tỉnh theo kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của Bộ Nội vụ; phấn đấu nâng cao thứ hạng Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh trong các năm tiếp theo.

2. Yêu cầu

- Xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành hoặc không hoàn thành các nhiệm vụ về cải cách hành chính.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động nghiên cứu, sáng tạo, áp dụng những giải pháp đổi mới để thực hiện cải cách hành chính, xem đây là khâu đột phá trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của mỗi cơ quan, đơn vị.

- Lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính là cơ sở để đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

II. CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Chỉ tiêu

- 100% cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh xây dựng, ban hành Kế hoạch cải cách hành chính phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và

tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

- Thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính ít nhất đối với 30% cơ quan hành chính cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành kiểm tra cải cách hành chính ít nhất đối với 30% đơn vị cấp xã; 100% cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tự kiểm tra công tác cải cách hành chính trong nội bộ cơ quan và các đơn vị trực thuộc; 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra cải cách hành chính phải được khắc phục.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

- Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các tiêu chí, phương pháp, nội dung nhằm đổi mới cách đánh giá chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp về sự phục vụ của các cơ quan hành chính bảo đảm tính khoa học, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, phản ánh toàn diện, khách quan kết quả triển khai thực hiện cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội về các chủ trương, chính sách, nội dung cải cách hành chính; xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ thường xuyên, là khâu đột phá nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho cải cách hành chính. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, coi trọng việc thí điểm các mô hình mới, các sáng kiến về cải cách hành chính để đánh giá, rút ra những vấn đề cần xử lý tiếp và nhân rộng nếu thấy phù hợp.

2. Cải cách thể chế

a) Chỉ tiêu

- 100% văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đảm bảo chất lượng theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản dưới luật hướng dẫn việc thực hiện.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

- Nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của địa phương, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi để thu hút đầu tư.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy chế phối hợp để đẩy mạnh việc thực hiện liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính hoặc nhóm thủ tục hành chính có quy định trách nhiệm thực hiện của nhiều cơ quan, đơn vị, tập trung vào các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, đầu tư, lao động, thương binh và xã hội.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát, văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp. Công khai, minh bạch văn bản quy phạm pháp luật, chủ trương, chế độ, chính sách của ngành và địa phương.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác theo dõi thi hành pháp luật; tăng cường theo dõi, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật.

3. Cải cách thủ tục hành chính

a) Chỉ tiêu

- Cắt giảm thời gian giải quyết, kiến nghị đơn giản hóa quy trình thực hiện, thành phần hồ sơ của ít nhất 20% thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ giao dịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của sở, ban, ngành, ưu tiên cho các thủ tục hành chính có liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp; 100% thủ tục hành chính được công bố, công khai kịp thời, đúng quy định; 100% thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh được phê duyệt quy trình nội bộ.

- Phần đầu đạt tỷ lệ 80% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương được đưa ra tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa các cấp theo Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Thí điểm mô hình “4 tại chỗ” (tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt và trả kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính) tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện theo Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phần đầu đạt tỷ lệ 60% thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ giao dịch được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; 50% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của tỉnh được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Phần đầu đạt tỷ lệ 10% dịch vụ công trực tuyến được cung cấp ở mức độ 4; tối thiểu 30% hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; số hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích đạt 10% trở lên, số hồ sơ thủ tục hành chính được trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích đạt 20% trở lên.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

- Chú trọng công tác kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ; đẩy mạnh rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, nhất là trong các lĩnh vực trọng tâm, liên quan đến sản xuất, kinh doanh, như: kế hoạch và đầu tư, tài nguyên và môi trường, đất đai, thuế... Hoàn thiện quy trình giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo rõ thời gian, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân.

- Nâng cao hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông gắn với ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, bảo đảm giải quyết thủ tục hành chính kịp thời, công khai, minh bạch; thực hiện tốt việc giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại địa phương theo Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy trình giải quyết thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục hành chính liên thông giữa các ngành, các cấp trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, đầu tư, xây dựng; thực hiện, kiểm soát trách nhiệm giải quyết công việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan; giảm nhanh tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hẹn, nhất là ở cấp xã, nghiêm túc xin lỗi người dân, tổ chức và doanh nghiệp khi để xảy ra trễ hẹn.

- Tiếp nhận và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Kiên quyết xử lý, khắc phục tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc theo Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đẩy mạnh việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ. Thường xuyên rà soát, đưa thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện giải quyết theo mức độ 3, mức độ 4.

- Tăng cường đối thoại giữa lãnh đạo chính quyền các cấp với doanh nghiệp, cá nhân để giải quyết khó khăn, vướng mắc trong giải quyết thủ tục hành chính; duy trì đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị để kịp thời đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền xử lý các phản ánh, kiến nghị.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Chỉ tiêu

- Hoàn thành mục tiêu tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW; sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) theo Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 35-KH/TU ngày 04/6/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- 100% cơ quan, đơn vị được sắp xếp, bố trí và thực hiện đúng quy định của pháp luật về số lượng lãnh đạo quản lý của cơ quan, đơn vị.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

- Tiếp tục triển khai thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực,

hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh theo quy định Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi Nghị định số 24/2014/NĐ-CP quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi Nghị định số 37/2014/NĐ-CP quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện theo Thông tư hướng dẫn của các Bộ, Trung ương; triển khai thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng biên chế, đảm bảo số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao; triển khai thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế theo đúng đối tượng, bảo đảm tỷ lệ và tiến độ theo kế hoạch của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ.

Thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý, đề cao trách nhiệm giải trình và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh đã thực hiện phân cấp cho cấp huyện, cấp xã.

5. Cải cách chế độ công vụ

a) Chỉ tiêu

Tỷ lệ 80% cán bộ, công chức chuyên trách cấp xã có trình độ đại học và được chuẩn hoá về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước.

- Thực hiện tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ, khoa học, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu công tác và khả năng của công chức, viên chức.

- Thực hiện tốt công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức; đánh giá trách nhiệm người đứng đầu các sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong thi hành công vụ, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hoá các tiêu chí đánh giá và đề cao trách nhiệm người đứng đầu.

- Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức để nâng cao trình độ, năng lực, kỹ năng công tác gắn với

tiêu chuẩn, chức danh cán bộ, công chức, viên chức. Hoàn thành việc bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ, trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Kiên quyết xử lý nghiêm những cá nhân có biểu hiện tiêu cực, quan liêu, nhũng nhiễu, phiền hà cho tổ chức và công dân.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ hiện đại vào công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

6. Cải cách tài chính công

a) Chỉ tiêu

- 100% cơ quan hành chính các cấp thực hiện đúng quy định về cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính.

- 100% cơ quan, đơn vị ban hành quy chế quản lý sử dụng tài sản công theo quy định.

- Tăng dần tính tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng bảo đảm chi thường xuyên, giảm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

- Thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần sau khi Chính phủ ban hành Nghị định về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

- Thực hành dân chủ, công khai, minh bạch về tài chính công.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

- Tiếp tục triển khai thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ.

- Ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

- Thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần sau

khi Chính phủ ban hành Nghị định về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

- Tiếp tục thực hiện việc công khai tài chính theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 về công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

a) Chỉ tiêu

- Phần đầu trên 60% hệ thống thông tin của các sở, ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp được đưa vào vận hành và kết nối liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

- Tỷ lệ hồ sơ công việc (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật) được xử lý trên môi trường mạng đạt từ 70% đối với cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 60% đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện và 40% đối với Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Tối thiểu 50% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành quy chế, quy định thay thế các quy chế, quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh để có những quy định phù hợp cho phát triển Chính quyền số.

- Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định (phiên bản 2.0) nhằm triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số đồng bộ, bảo đảm kết nối, liên thông, tránh đầu tư trùng lặp.

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh (Data Center), đảm bảo năng lực triển khai các phần mềm nền tảng, ứng dụng và cơ sở dữ liệu dùng chung toàn tỉnh phục vụ phát triển Chính quyền điện tử/Chính quyền số và Đô thị thông minh tỉnh Bình Định.

- Xây dựng phần mềm Kho dữ liệu văn bản điện tử để lưu trữ toàn bộ dữ liệu văn bản điện tử; lưu trữ quá trình xử lý văn bản điện tử của các cơ quan trong tỉnh; hỗ trợ việc tra cứu, báo cáo, khai thác... nguồn dữ liệu đã được kết nối và liên thông văn bản điện tử, dữ liệu điện tử từ Chính phủ đến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Xây dựng Cổng dịch vụ dữ liệu mở tỉnh Bình Định để làm đầu mối công bố dữ liệu mở, cung cấp thông tin về chia sẻ dữ liệu của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh và trang thông tin điện tử của các

sở, ban, ngành đảm bảo truy cập thuận tiện, công khai thông tin tới mọi người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và đảm bảo an toàn thông tin.

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng về chuyên đổi số, phát triển Chính quyền số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước.

(Có Phụ lục 31 nhiệm vụ kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện thị xã, thành phố

- Tổ chức thực hiện đúng, đầy đủ, đảm bảo chất lượng và tiến độ đối với các nhiệm vụ được phân công theo Kế hoạch; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính theo quy định.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về nhiệm vụ cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, tự kiểm tra cải cách hành chính, tăng cường công tác kiểm tra đột xuất; kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính của đơn vị, địa phương.

2. Sở Nội vụ

- Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch này. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tổ chức đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Hàng quý, 06 tháng, cuối năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ kết quả thực hiện theo quy định.

3. Sở Tài chính

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc đảm bảo kinh phí để triển khai chương trình, kế hoạch công tác cải cách hành chính của tỉnh; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị nội dung, định mức chi, phương thức quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính năm 2021 theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công; theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

4. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thể chế, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát và đơn giản hóa thủ tục hành chính; tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

- Chỉ đạo, hướng dẫn và phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bình Định, Đài Truyền thanh cấp huyện, cấp xã đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021 của tỉnh.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

8. Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Cổng Thông tin điện tử tỉnh

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cải cách hành chính; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- LĐVP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- Lưu: VT, KSTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

PHỤ LỤC
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2021
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh)

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH				
1	Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XX của Đảng bộ tỉnh về “cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020-2025”.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sau khi Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XX của Đảng bộ tỉnh
2	Tổ chức phổ biến, quán triệt Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XX của Đảng bộ tỉnh về “cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 - 2025”.	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Theo Kế hoạch
3	Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	- Ban hành kế hoạch: Quý I - Thực hiện: Cả năm
4	Tổ chức đánh giá, xếp hạng và công bố chỉ số cải cách hành chính; kết quả đo	1. Báo cáo của UBND tỉnh;	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành có liên	Trước ngày 15/3/2021

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh.	2. Quyết định của UBND tỉnh.		quan	
5	Sửa đổi Bộ chỉ số đánh giá kết quả chỉ số cải cách hành chính và Quy định việc đánh giá, chấm điểm, xếp hạng chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố (Quyết định số 3697/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh).	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Tháng 01
6	Sửa đổi, bổ sung một số tiêu chí theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quý III
7	Đề án khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm giai đoạn 2021– 2025.	Đề án của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quý III
8	Triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	- Ban hành kế hoạch: Quý III - Thực hiện: Quý IV

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2021.				
9	Quy chế phối hợp giải quyết công việc và theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.	Quy chế của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quý IV
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ				
10	Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2021.	1. Kế hoạch của UBND tỉnh; 2. Báo cáo của UBND tỉnh.	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	- Ban hành kế hoạch: Quý I - Thực hiện: Cả năm
11	Rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND các cấp ban hành năm 2020 để sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.	Báo cáo kết quả rà soát	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Cả năm
12	Xây dựng Kế hoạch và tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật năm 2021.	1. Kế hoạch của UBND tỉnh; 2. Báo cáo của UBND tỉnh.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Tư pháp	- Ban hành kế hoạch: Quý I - Thực hiện: Cả năm
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
13	Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021.	1. Kế hoạch của UBND tỉnh; 2. Báo cáo của UBND tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	- Ban hành Kế hoạch: Quý I - Thực hiện: Cả năm
14	Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra chuyên đề về giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.	Kế hoạch của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	- Ban hành Kế hoạch: Quý I - Thực hiện: Quý II, III.
15	Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.	Kế hoạch của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quý II
16	Ban hành Đề án “Phát huy vai trò của thanh niên trong công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cho người dân tại khu dân cư trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 – 2026”.	Đề án của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Tinh đoàn; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quý III
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC				

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
17	Kế hoạch phân bổ biên chế công chức, biên chế sự nghiệp và số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP năm 2021.	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Tháng 1
18	Triển khai thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐCP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	- Ban hành Kế hoạch: Quý I - Thực hiện: Cả năm
19	Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	- Ban hành Kế hoạch: Quý I - Thực hiện: Cả năm
20	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo hướng dẫn của bộ, ngành	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND	Cả năm (Sau khi có Thông tư

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	Trung ương			cấp huyện	hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương)
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ				
21	Triển khai thực hiện Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về tuyển dụng sử dụng và quản lý công chức.	Văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Cả năm và theo Thông tư của Bộ Nội vụ
22	Triển khai thực hiện Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng sử dụng và quản lý viên chức.	Văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Cả năm và theo Thông tư của Bộ Nội vụ
23	Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ.	Báo cáo kết quả thực hiện	Sở Nội vụ	Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên
24	Xây dựng và triển khai Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tinh giai đoạn 2021 - 2025.	1. Kế hoạch của UBND tỉnh; 2. Báo cáo kết quả thực hiện.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	- Ban hành kế hoạch: Quý I - Thực hiện: Cả năm
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
25	Tiếp tục triển khai thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày	Báo cáo kết quả thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan	Cả năm

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ.				
26	Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 quy định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.	Báo cáo kết quả thực hiện	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Cả năm
27	Thực hiện chuyển đổi một số đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các cơ quan có liên quan	Cả năm
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ				
28	Xây dựng, sửa đổi Quy chế đảm bảo an toàn thông tin trong xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Bình Định ban hành theo Quyết định số 22/2012/QĐ-UBND ngày 12/7/2012.	Quy chế	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quý I

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
29	Xây dựng, thay thế Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND Quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số và chữ ký số trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Quy chế	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quý II
30	Ban hành Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu của tỉnh (theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước).	Quy chế	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quý III
31	Xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh năm 2021.	Quy chế	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Cả năm
